CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 220/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo; quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền tố cáo.

2. Quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bị tố cáo có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến quốc phòng.

3. Người giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

4. Người tố cáo và người thân thích của người tố cáo liên quan đến tố cáo trong Quân đội nhân dân được bảo vệ.

5. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ người tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quân nhân bao gồm: Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị.

a) Quân nhân tại ngũ là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự, Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Quân nhân dự bị là công dân Việt Nam được đăng ký vào ngạch dự bị động viên, gồm: Sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị theo quy định của pháp luật.

2. Công nhân viên chức quốc phòng là công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng và người làm việc theo hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị của Quân đội nhân dân.

3. Người Chỉ huy là người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị, gồm: Chỉ huy trưởng quân sự (người đứng đầu về hành chính quân sự), Chính ủy, Chính trị viên và cấp phó của người đứng đầu.

4. Người giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân là người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết tố cáo theo quy định của Nghị định này.

5. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng là quản lý của Bộ Quốc phòng trong các lĩnh vực: Bảo vệ biên giới, vùng biển, đảo, quần đảo, vùng trời quốc gia; xây dựng khu vực phòng thủ; phòng thủ dân sự; công nghiệp quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, đất quốc phòng và môi trường có liên quan đến hoạt động quốc phòng; cơ yếu; hoạt động đối ngoại trong phạm vi quản lý của Bộ; các dịch vụ công và các lĩnh vực quản lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Áp dụng pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo

1. Việc tố cáo của cá nhân nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam và giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Quân đội nhân dân được áp dụng theo quy định của Luật tố cáo và Nghị định này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Tố cáo hành vi có dấu hiệu tội phạm liên quan đến Quân đội nhân dân do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự trong Quân đội nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của quân nhân dự bị thực hiện trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu được áp dụng theo quy định của Luật tố cáo và Nghị định này.

4. Các quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân không được quy định trong Nghị định này thực hiện theo quy định của Luật tố cáo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật tố cáo.

Chương II
GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, CÔNG VỤ

Mục 1
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 5. Nguyên tắc xác định thẩm quyền

1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng giải quyết.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị do người đứng đầu về hành chính quân sự có thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đó giải quyết.

Điều 6. Thẩm quyền giải quyết tố cáo trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ

1. Trung đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện, Đồn trưởng đồn Biên phòng và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng do mình quản lý.

2. Cục trưởng, Sư đoàn trưởng, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp và quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý trong trường hợp người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị đó không có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

3. Giám đốc học viện, Hiệu trưởng nhà trường, Viện trưởng viện nghiên cứu, Giám đốc bệnh viện và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng do mình quản lý.

4. Tư lệnh Quân đoàn, Binh chủng, Binh đoàn, Bộ Tư lệnh bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp và quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý trong trường hợp người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị đó không có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

5. Tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Trưởng ban Cơ yếu Chính phủ và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp và quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng thuộc cơ quan, đơn vị mình quản lý trong trường hợp người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị đó không có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

6. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm các tổng cục, Tổng cục trưởng Tổng cục Tình báo có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp quản lý.

7. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp thuộc Bộ Quốc phòng.

Mục 2
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 7. Tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo có nội dung khiếu nại

Khi tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo có nội dung khiếu nại thì người tiếp nhận, xử lý đơn hướng dẫn người tố cáo viết lại đơn, tách nội dung khiếu nại gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thụ lý tố cáo trong trường hợp người bị tố cáo đang thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc trong tình huống khẩn cấp

Trường hợp người bị tố cáo đang thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc trong tình huống khẩn cấp, việc thụ lý tố cáo tính từ thời điểm ngay sau ngày người bị tố cáo thực hiện xong nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc tình huống khẩn cấp. Trong trường hợp này, người giải quyết tố cáo phải thông báo bằng văn bản cho người tố cáo về việc thụ lý tố cáo.

Điều 9. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ

Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được

thực hiện theo quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22, Khoản 1 Điều 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 của Luật tố cáo.

Điều 10. Phối hợp xác minh nội dung tố cáo

Trong quá trình xác minh nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo có quyền yêu cầu hoặc kiến nghị người có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài Quân đội nhân dân phối hợp xác minh nội dung tố cáo; việc yêu cầu, kiến nghị phối hợp xác minh phải thể hiện bằng văn bản.

Điều 11. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo. Việc công khai bằng hình thức quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo.

Chương III
GIẢI QUYẾT TỐ CÁO ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG

Điều 12. Thẩm quyền giải quyết tố cáo trong quản lý nhà nước về quốc phòng

1. Người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng thuộc phạm vi quản lý được giao.

2. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về quốc phòng có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý được giao, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 13. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo trong quản lý nhà nước về quốc phòng

1. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng thực hiện theo quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22, Khoản 1 Điều 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 của Luật tố cáo.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo. Việc công khai bằng một trong các hình thức quy định tại các Điểm b, c, Khoản 2, Điều 11 Nghị định

số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo. Việc công khai phải bảo đảm giữ bí mật thông tin về người tố cáo và những nội dung bí mật quân sự, bí mật nhà nước.

3. Đối với tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay thì việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo Điều 33 của Luật tố cáo.

Chương IV
BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO; TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO

Điều 14. Phạm vi, thời hạn, trình tự, thủ tục, các biện pháp bảo vệ

Phạm vi, thời hạn, trình tự, thủ tục, các biện pháp bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo trong Quân đội nhân dân thực hiện theo quy định tại các Điều 34, 36, 37, 38, 39 của Luật tố cáo, Chương III Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của người giải quyết tố cáo trong việc bảo vệ người tố cáo và người thân thích của người tố cáo trong Quân đội nhân dân

Trong quá trình giải quyết tố cáo, người giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân có trách nhiệm yêu cầu cơ quan chức năng bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo theo quy định tại các Điều 34, 36, 37, 38, 39 của Luật tố cáo, Chương III Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tố cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ người tố cáo và người thân thích của người tố cáo

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong Quân đội nhân dân có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín, danh dự, nhân phẩm, vị trí công tác, việc làm, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người tố cáo, người thân thích của người tố cáo theo quy định của pháp luật về tố cáo và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong Quân đội nhân dân có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan để bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo tại nơi làm việc và nơi cư trú.

Chương V
QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Điều 17. Quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi quản lý của mình.

2. Người đứng đầu về hành chính quân sự các cấp có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân chịu trách nhiệm quản lý công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Nội dung công tác quản lý giải quyết tố cáo:

a) Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân;

b) Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch công tác giải quyết tố cáo phù hợp với tình hình, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định của Quân đội nhân dân;

c) Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân;

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tố cáo trong Quân đội nhân dân;

đ) Thực hiện việc giải quyết tố cáo theo thẩm quyền;

e) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tố cáo đối với người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị trong Quân đội nhân dân;

g) Tổng kết kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học về công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Điều 18. Báo cáo công tác giải quyết tố cáo

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo Chính phủ về công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân theo định kỳ hoặc yêu cầu của Chính phủ.

2. Người đứng đầu về hành chính quân sự có thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, đơn vị trong Quân đội nhân dân có trách nhiệm báo cáo theo định kỳ hoặc yêu cầu của cấp trên về công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi thẩm quyền được giao.

Điều 19. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra các cấp trong Quân đội nhân dân

1. Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

2. Chánh Thanh tra các cấp trong Quân đội nhân dân có trách nhiệm:

a) Tham mưu, giúp người đứng đầu về hành chính quân sự cùng cấp, quản lý công tác giải quyết tố cáo trong phạm vi thẩm quyền phân cấp;

b) Tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo; xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung xác minh và kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của người đứng đầu về hành chính quân sự cùng cấp khi được giao;

c) Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, đơn vị cùng cấp đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp kết luận việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đứng đầu về hành chính quân sự có thẩm quyền giải quyết tố cáo cùng cấp xem xét, giải quyết lại;

d) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp của người đứng đầu về hành chính quân sự cùng cấp trong việc chấp hành pháp luật về tố cáo.

3. Đối với cơ quan, đơn vị không có tổ chức thanh tra thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo giao cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp, tham mưu về công tác quản lý và giải quyết tố cáo.

Điều 20. Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ về công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng về công tác giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

2. Tổng Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết lại.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2014.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng